**LUẬT**

**PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
CỦA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 **SỐ 55/2005/QH11 NGÀY 29 THÁNG 11 NĂM 2005**

*Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xó hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đó được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;*

*Luật này quy định về phũng, chống tham nhũng.*

**Chương I** **NHỮNG QUY****ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh

1. Luật này quy định về phũng ngừa, phỏt hiện, xử lý người có hành vi tham nhũng và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong phũng, chống tham nhũng.

2. Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đó lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vỡ vụ lợi.

3. Người có chức vụ, quyền hạn bao gồm:

a) Cỏn bộ, cụng chức, viờn chức;

b) Sĩ quan, quõn nhõn chuyờn nghiệp, cụng nhõn quốc phũng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn - kỹ thuật trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân;

c) Cỏn bộ lónh đạo, quản lý trong doanh nghiệp của Nhà nước; cán bộ lónh đạo, quản lý là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp;

d) Người được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ có quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó.

**Điều 2.** Giải thớch từ ngữ

Trong Luật này, cỏc từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tài sản tham nhũng là tài sản có được từ hành vi tham nhũng, tài sản có nguồn gốc từ hành vi tham nhũng.

2. Công khai là việc cơ quan, tổ chức, đơn vị công bố, cung cấp thông tin chính thức về văn bản, hoạt động hoặc về nội dung nhất định.

3. Minh bạch tài sản, thu nhập là việc kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai và khi cần thiết được xác minh, kết luận.

4. Nhũng nhiễu là hành vi cửa quyền, hách dịch, gây khó khăn, phiền hà khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

5. Vụ lợi là lợi ích vật chất, tinh thần mà người có chức vụ, quyền hạn đạt được hoặc có thể đạt được thông qua hành vi tham nhũng.

6. Cơ quan, tổ chức, đơn vị bao gồm cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xó hội, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp của Nhà nước và cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước.

**Điều 3.** Cỏc hành vi tham nhũng

1. Tham ụ tài sản.

2. Nhận hối lộ.

3. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản.

4. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, cụng vụ vỡ vụ lợi.

5. Lạm quyền trong khi thi hành nhiệm vụ, cụng vụ vỡ vụ lợi.

6. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi.

7. Giả mạo trong cụng tỏc vỡ vụ lợi.

8. Đưa hối lộ, môi giới hối lộ được thực hiện bởi người có chức vụ, quyền hạn để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vỡ vụ lợi.

9. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản của Nhà nước vỡ vụ lợi.

10. Nhũng nhiễu vỡ vụ lợi.

11. Khụng thực hiện nhiệm vụ, cụng vụ vỡ vụ lợi.

12. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật vỡ vụ lợi; cản trở, can thiệp trỏi phỏp luật vào việc kiểm tra, thanh tra, kiểm toỏn, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án vỡ vụ lợi.

**Điều 4.** Nguyờn tắc xử lý tham nhũng

1. Mọi hành vi tham nhũng đều phải được phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời, nghiờm minh.

2. Người có hành vi tham nhũng ở bất kỳ cương vị, chức vụ nào phải bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Tài sản tham nhũng phải được thu hồi, tịch thu; người có hành vi tham nhũng gây thiệt hại thỡ phải bồi thường, bồi hoàn theo quy định của pháp luật.

4. Người có hành vi tham nhũng đó chủ động khai báo trước khi bị phát hiện, tích cực hạn chế thiệt hại do hành vi trái pháp luật của mỡnh gõy ra, tự giỏc nộp lại tài sản tham nhũng thỡ cú thể được xem xét giảm nhẹ hỡnh thức kỷ luật, giảm nhẹ hỡnh phạt hoặc miễn truy cứu trỏch nhiệm hỡnh sự theo quy định của pháp luật.

5. Việc xử lý tham nhũng phải được thực hiện công khai theo quy định của pháp luật.

6. Người có hành vi tham nhũng đó nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác vẫn phải bị xử lý về hành vi tham nhũng do mỡnh đó thực hiện.

**Điều 5.** Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị và người có chức vụ, quyền hạn

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mỡnh cú trỏch nhiệm sau đây:

a) Tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về phũng, chống tham nhũng;

b) Tiếp nhận, xử lý kịp thời bỏo cỏo, tố giỏc, tố cỏo và thụng tin khỏc về hành vi tham nhũng;

c) Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người phát hiện, báo cáo, tố giác, tố cáo hành vi tham nhũng;

d) Chủ động phũng ngừa, phỏt hiện hành vi tham nhũng; kịp thời cung cấp thụng tin, tài liệu và thực hiện yờu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong quỏ trỡnh phỏt hiện, xử lý người có hành vi tham nhũng.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mỡnh cú trỏch nhiệm sau đây:

a) Chỉ đạo việc thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Gương mẫu, liêm khiết; định kỳ kiểm điểm việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ và trách nhiệm của mỡnh trong việc phũng ngừa, phỏt hiện hành vi tham nhũng, xử lý người có hành vi tham nhũng;

c) Chịu trách nhiệm khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mỡnh quản lý, phụ trỏch.

3. Người có chức vụ, quyền hạn có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện nhiệm vụ, công vụ đúng quy định của pháp luật;

b) Gương mẫu, liêm khiết; chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về phũng, chống tham nhũng, quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp;

c) Kê khai tài sản theo quy định của Luật này và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của việc kê khai đó.

**Điều 6.** Quyền và nghĩa vụ của cụng dõn trong phũng, chống tham nhũng

Cụng dõn cú quyền phỏt hiện, tố cỏo hành vi tham nhũng; có nghĩa vụ hợp tác, giúp đỡ cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc phát hiện, xử lý người có hành vi tham nhũng.

**Điều 7.** Trách nhiệm phối hợp của cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước, điều tra, Viện kiểm sát, Toà án và của cơ quan, tổ chức, đơn vị hữu quan

Cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước, điều tra, Viện kiểm sát, Toà án trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mỡnh cú trỏch nhiệm phối hợp với nhau và phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị hữu quan trong việc phát hiện hành vi tham nhũng, xử lý người có hành vi tham nhũng và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận, quyết định của mỡnh trong quỏ trỡnh thanh tra, kiểm toỏn, điều tra, truy tố, xét xử vụ việc tham nhũng.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị hữu quan có trách nhiệm tạo điều kiện, cộng tác với cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước, điều tra, Viện kiểm sát, Toà án trong việc phát hiện, xử lý người có hành vi tham nhũng.

**Điều 8.** Trỏch nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cỏc tổ chức thành viờn

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên có trách nhiệm động viên nhân dân tham gia tích cực vào việc phũng, chống tham nhũng; phỏt hiện, kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người có hành vi tham nhũng; giám sát việc thực hiện pháp luật về phũng, chống tham nhũng.

**Điều 9.** Trách nhiệm của cơ quan báo chí

Cơ quan báo chí có trách nhiệm tham gia vào việc phũng, chống tham nhũng; hợp tỏc với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong phũng, chống tham nhũng; khi đưa tin phải bảo đảm chính xác, trung thực, khách quan và phải chịu trách nhiệm về nội dung của thông tin đó đưa.

**Điều 10.** Cỏc hành vi bị nghiờm cấm

1. Các hành vi quy định tại Điều 3 của Luật này.

2. Đe doạ, trả thù, trù dập người phát hiện, báo cáo, tố giác, tố cáo, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng.

3. Lợi dụng việc tố cáo tham nhũng để vu cáo, vu khống cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác.

**Chương II** **PHềNG****NGỪA THAM****NHŨNG**

**Mục 1
CÔNG KHAI, MINH BẠCH TRONG HOẠT ĐỘNG
CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ**

**Điều 11.** Nguyờn tắc và nội dung cụng khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Chính sách, pháp luật và việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật phải được công khai, minh bạch, bảo đảm công bằng, dân chủ.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai hoạt động của mỡnh, trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước và những nội dung khác theo quy định của Chính phủ.

**Điều 12.** Hỡnh thức cụng khai

1. Hỡnh thức cụng khai bao gồm:

a) Công bố tại cuộc họp của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

b) Niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

c) Thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan;

d) Phỏt hành ấn phẩm;

đ) Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng;

e) Đưa lên trang thông tin điện tử;

g) Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cỏ nhõn.

2. Ngoài những trường hợp pháp luật có quy định về hỡnh thức cụng khai, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm lựa chọn một hoặc một số hỡnh thức cụng khai quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 13.** Cụng khai, minh bạch trong mua sắm công và xây dựng cơ bản

1. Việc mua sắm công và xây dựng cơ bản phải được công khai theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp mua sắm công và xây dựng cơ bản mà pháp luật quy định phải đấu thầu thỡ nội dung cụng khai bao gồm:

a) Kế hoạch đấu thầu, mời sơ tuyển và kết quả sơ tuyển, mời thầu;

b) Danh mục nhà thầu tham gia đấu thầu hạn chế, danh sách ngắn nhà thầu tham gia đấu thầu hạn chế, kết quả lựa chọn nhà thầu;

c) Thông tin về cá nhân, tổ chức thuộc chủ dự án, bên mời thầu, nhà thầu, cơ quan quản lý hoặc đối tượng khác vi phạm pháp luật về đấu thầu; thông tin về nhà thầu bị cấm tham gia và thông tin về xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu;

d) Văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu, hệ thống thông tin dữ liệu về đấu thầu;

đ) Báo cáo tổng kết công tác đấu thầu trên phạm vi toàn quốc của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; báo cáo tổng kết công tác đấu thầu của bộ, ngành, địa phương và cơ sở;

e) Thẩm quyền, thủ tục tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong đấu thầu.

**Điều 14.** Cụng khai, minh bạch trong quản lý dự án đầu tư xây dựng

1. Dự án quy hoạch đầu tư xây dựng phải được lấy ý kiến của nhân dân địa phương nơi quy hoạch.

2. Dự án đầu tư xây dựng từ ngân sách địa phương phải được Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

3. Dự án đầu tư xây dựng sau khi được quyết định, phê duyệt phải được công khai để nhân dân giám sát.

**Điều 15.** Công khai, minh bạch về tài chính và ngân sách nhà nước

1. Các cấp ngân sách, đơn vị dự toán ngân sách phải công khai chi tiết số liệu dự toán và quyết toán đó được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê chuẩn, kể cả khoản ngân sách bổ sung.

2. Đơn vị dự toán ngân sách có nguồn thu và các khoản chi từ các khoản đóng góp của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật phải công khai mục đích huy động, kết quả huy động và hiệu quả việc sử dụng các nguồn huy động.

3. Tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ phải công khai các nội dung sau đây:

a) Số liệu dự toỏn, quyết toỏn;

b) Khoản đóng góp của tổ chức, cá nhân (nếu có);

c) Cơ sở xác định mức hỗ trợ và số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ.

4. Dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn từ ngân sách nhà nước phải công khai các nội dung sau đây:

a) Việc phân bổ vốn đầu tư trong dự toán ngân sách nhà nước được giao hằng năm cho các dự án;

b) Dự toán ngân sách của dự án đầu tư theo kế hoạch đầu tư được duyệt, mức vốn đầu tư của dự án được giao trong dự toán ngân sách năm;

c) Quyết toán vốn đầu tư của dự án hằng năm;

d) Quyết toán vốn đầu tư khi dự án hoàn thành đó được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước phải công khai các nội dung sau đây:

a) Quy chế hoạt động và cơ chế tài chính của quỹ;

b) Kế hoạch tài chính hằng năm, trong đó chi tiết các khoản thu, chi có quan hệ với ngân sách nhà nước theo quy định của cấp có thẩm quyền;

c) Kết quả hoạt động của quỹ;

d) Quyết toán năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Việc phân bổ, sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước cho các dự án, chương trỡnh mục tiờu đó được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phải công khai cho cơ quan, tổ chức, đơn vị hữu quan và nhân dân nơi trực tiếp thụ hưởng biết.

**Điều 16.** Công khai, minh bạch việc huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân

1. Việc huy động các khoản đóng góp của nhân dân để đầu tư xây dựng công trỡnh, lập quỹ trong phạm vi địa phương phải lấy ý kiến nhõn dân và được Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

2. Việc huy động, sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân quy định tại khoản 1 Điều này phải được công khai để nhân dân giám sát và phải chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

3. Nội dung phải công khai bao gồm mục đích huy động, mức đóng góp, việc sử dụng, kết quả sử dụng và báo cáo quyết toán.

4. Cụng trỡnh cơ sở hạ tầng tại xó, phường, thị trấn sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân phải công khai các nội dung sau đây:

a) Nội dung phải công khai quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Dự toỏn cho từng cụng trỡnh theo kế hoạch đầu tư được duyệt;

c) Nguồn vốn đầu tư cho từng công trỡnh;

d) Kết quả đó huy động của từng đối tượng cụ thể, thời gian huy động;

đ) Kết quả lựa chọn nhà thầu đó được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

e) Tiến độ thi công và kết quả nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trỡnh và quyết toỏn cụng trỡnh.

5. Việc huy động, sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân vỡ mục đích từ thiện, nhân đạo được thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

**Điều 17.** Cụng khai, minh bạch việc quản lý, sử dụng cỏc khoản hỗ trợ, viện trợ

Việc quản lý, phân bổ, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) được thực hiện theo quy định tại Điều 15 của Luật này. Đối với các khoản viện trợ phi chính phủ phải được công khai cho các đối tượng thụ hưởng biết.

**Điều 18.** Cụng khai, minh bạch trong quản lý doanh nghiệp của Nhà nước

Doanh nghiệp của Nhà nước có trách nhiệm công khai vốn và tài sản của Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp, vốn vay ưu đói, bỏo cỏo tài chớnh và kết quả kiểm toỏn, việc trớch, lập và sử dụng quỹ của doanh nghiệp, việc tuyển dụng lao động, bổ nhiệm các chức danh lónh đạo, quản lý của doanh nghiệp và nội dung khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 19.** Công khai, minh bạch trong cổ phần hoá doanh nghiệp của Nhà nước

1. Việc cổ phần hoá doanh nghiệp của Nhà nước phải công khai, minh bạch; không được cổ phần hoá khép kín trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh nghiệp được cổ phần hoá có trách nhiệm công khai thực trạng tài chính khi xác định giá trị doanh nghiệp.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm công khai giá trị doanh nghiệp được cổ phần hoá và việc điều chỉnh giá trị doanh nghiệp (nếu có).

3. Việc bán cổ phần lần đầu của doanh nghiệp được cổ phần hoá phải thực hiện bằng phương thức bán đấu giá.

**Điều 20.** Kiểm toán việc sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm thực hiện kiểm toán và chịu sự kiểm toán việc sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước theo quy định của pháp luật về kiểm toán.

2. Báo cáo kiểm toán phải được công khai theo quy định tại Điều 12 của Luật này.

**Điều 21.** Cụng khai, minh bạch trong quản lý và sử dụng đất

1. Việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải bảo đảm dân chủ và công khai.

2. Trong quỏ trỡnh lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết, cơ quan, tổ chức thực hiện việc lập quy hoạch, kế hoạch đó phải thông báo công khai cho nhân dân địa phương nơi được quy hoạch, điều chỉnh biết.

3. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết, việc giải phóng mặt bằng, giá đền bù khi thu hồi đất sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phải được công khai.

4. Thẩm quyền, trỡnh tự, thủ tục và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quy hoạch chi tiết và việc phân lô đất ở, đối tượng được giao đất làm nhà ở phải được công khai.

**Điều 22.** Cụng khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng nhà ở

1. Thẩm quyền, trỡnh tự, thủ tục và việc cấp giấy phộp xõy dựng nhà ở và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở phải được công khai.

2. Việc hoá giá nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, đối tượng được hoá giá nhà ở và các khoản tiền phải nộp khi hoá giá nhà ở phải được công khai.

3. Việc bán nhà ở cho người tái định cư, người có thu nhập thấp và những đối tượng ưu tiên khác phải được công khai.

**Điều 23.** Cụng khai, minh bạch trong lĩnh vực giỏo dục

1. Việc tuyển sinh, thi, kiểm tra, cấp văn bằng, chứng chỉ phải được công khai.

2. Cơ quan quản lý giỏo dục, cơ sở giáo dục có sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước phải công khai việc quản lý, sử dụng ngõn sỏch, tài sản của Nhà nước, việc thu, quản lý, sử dụng học phí, lệ phí tuyển sinh, các khoản thu từ hoạt động tư vấn, chuyển giao công nghệ, các khoản hỗ trợ, đầu tư cho giáo dục và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 24.** Cụng khai, minh bạch trong lĩnh vực y tế

1. Thẩm quyền, trỡnh tự, thủ tục và việc cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề y, dược tư nhân, giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề cho các cơ sở hành nghề y, dược phải được công khai.

2. Cơ quan quản lý y tế, cơ sở khám, chữa bệnh có sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước phải công khai việc thu, quản lý, sử dụng ngõn sỏch, tài sản của Nhà nước, giá thuốc, việc thu, quản lý, sử dụng cỏc loại phớ liờn quan đến việc khám, chữa bệnh và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 25.** Cụng khai, minh bạch trong lĩnh vực khoa học - cụng nghệ

1. Việc xét, tuyển chọn, giao trực tiếp, tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học - công nghệ và việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học - công nghệ phải được tiến hành công khai.

2. Cơ quan quản lý khoa học - công nghệ, đơn vị nghiên cứu khoa học - công nghệ phải công khai việc quản lý, sử dụng ngõn sỏch, tài sản của Nhà nước, các khoản hỗ trợ, viện trợ, đầu tư, các khoản thu từ hoạt động khoa học - cụng nghệ.

**Điều 26.** Cụng khai, minh bạch trong lĩnh vực thể dục, thể thao

Cơ quan quản lý thể dục, thể thao, Uỷ ban ễ-lim-pớch Việt Nam, cỏc liờn đoàn thể thao, cơ sở thể dục, thể thao có trách nhiệm công khai việc quản lý, sử dụng ngõn sỏch, tài sản của Nhà nước, các khoản thu từ hoạt động và dịch vụ thể dục, thể thao, khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài cho hoạt động thể dục, thể thao.

**Điều 27.** Công khai, minh bạch trong hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiểm toán nhà nước

1. Hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiểm toán nhà nước phải được tiến hành công khai theo quy định của pháp luật.

2. Văn bản, quyết định sau đây phải được công khai, trừ trường hợp pháp luật có quy định khỏc:

a) Kết luận thanh tra;

b) Quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định giải quyết tố cáo;

c) Bỏo cỏo kiểm toỏn.

**Điều 28.** Công khai, minh bạch trong hoạt động giải quyết các công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân cú thẩm quyền quản lý trong lĩnh vực nhà, đất, xây dựng, đăng ký kinh doanh, xét duyệt dự án, cấp vốn ngân sách nhà nước, tín dụng, ngân hàng, xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quản lý hộ khẩu, thuế, hải quan, bảo hiểm và cỏc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác trực tiếp giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân phải công khai thủ tục hành chính, giải quyết đúng thời hạn, đúng pháp luật và đúng yêu cầu hợp pháp của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có quyền đề nghị với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết công việc của mỡnh giải thớch rừ những nội dung cú liờn quan. Khi nhận được đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thỡ cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải kịp thời giải thớch cụng khai.

3. Trong trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải thích chưa thoả đáng hoặc cố tỡnh gõy khú khăn, phiền hà thỡ cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có quyền kiến nghị lên cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

**Điều 29.** Công khai, minh bạch trong lĩnh vực tư pháp

Việc thụ lý, điều tra, truy tố, kiểm sát, xét xử, thi hành án phải được công khai theo quy định của pháp luật về tố tụng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Điều 30.** Cụng khai, minh bạch trong cụng tỏc tổ chức - cỏn bộ

1. Việc tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khác vào cơ quan, tổ chức, đơn vị phải được công khai về số lượng, tiêu chuẩn, hỡnh thức và kết quả tuyển dụng.

2. Việc quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, chuyển ngạch, luân chuyển, điều động, khen thưởng, cho thôi việc, cho thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, bói nhiệm, kỷ luật, hưu trí đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khác phải được công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó làm việc.

**Điều 31.** Quyền yêu cầu cung cấp thông tin của cơ quan, tổ chức

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xó hội, cơ quan báo chí trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mỡnh cú quyền yờu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin về hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mỡnh theo quy định của pháp luật.

2. Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan, tổ chức, đơn vị được yêu cầu phải cung cấp thông tin, trừ trường hợp nội dung thông tin đó được công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, được phát hành ấn phẩm hoặc niêm yết công khai; trường hợp không cung cấp hoặc chưa cung cấp được thỡ phải trả lời bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức yêu cầu biết và nêu rừ lý do.

**Điều 32.** Quyền yờu cầu cung cấp thụng tin của cỏ nhõn

1. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khác có quyền yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi mỡnh làm việc cung cấp thụng tin về hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó.

2. Cụng dõn cú quyền yờu cầu Chủ tịch Uỷ ban nhõn dõn xó, phường, thị trấn nơi mỡnh cư trú cung cấp thông tin về hoạt động của Uỷ ban nhân dân xó, phường, thị trấn đó.

3. Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu, người được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp thông tin, trừ trường hợp nội dung thông tin đó được công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, được phát hành ấn phẩm hoặc niêm yết công khai; trường hợp không cung cấp hoặc chưa cung cấp được thỡ phải trả lời bằng văn bản cho người yêu cầu biết và nờu rừ lý do.

**Điều 33.** Công khai báo cáo hằng năm về phũng, chống tham nhũng

1. Hằng năm, Chính phủ có trách nhiệm báo cáo Quốc hội về công tác phũng, chống tham nhũng trong phạm vi cả nước; Uỷ ban nhân dân có trách nhiệm báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp về cụng tỏc phũng, chống tham nhũng ở địa phương.

2. Bỏo cỏo về cụng tỏc phũng, chống tham nhũng phải được công khai.

**Mục 2
XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, ĐỊNH MỨC, TIÊU****CHUẨN**

**Điều 34.** Xây dựng, ban hành và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn

1. Cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mỡnh cú trỏch nhiệm:

a) Xây dựng, ban hành và công khai các chế độ, định mức, tiêu chuẩn;

b) Công khai các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn về quyền lợi đối với từng loại chức danh trong cơ quan mỡnh;

c) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn.

2. Tổ chức chớnh trị, tổ chức chớnh trị - xó hội, đơn vị sự nghiệp và các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có sử dụng ngân sách nhà nước căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều này hướng dẫn áp dụng hoặc phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xây dựng, ban hành và công khai các chế độ, định mức, tiêu chuẩn áp dụng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mỡnh.

3. Nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, đơn vị ban hành trái pháp luật các chế độ, định mức, tiêu chuẩn.

**Điều 35.** Kiểm tra và xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị phải thường xuyên kiểm tra việc chấp hành và xử lý kịp thời hành vi vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn.

2. Người có hành vi vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn phải bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Người cho phép sử dụng vượt chế độ, định mức, tiêu chuẩn phải bồi thường phần giá trị mà mỡnh cho phộp sử dụng vượt quá; người sử dụng vượt chế độ, định mức, tiêu chuẩn có trách nhiệm liên đới bồi thường phần giá trị được sử dụng vượt quá.

4. Người cho phép thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn chuyên môn - kỹ thuật thấp hơn mức quy định phải bồi thường phần giá trị mà mỡnh cho phộp sử dụng thấp hơn; người hưởng lợi từ việc thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn chuyên môn - kỹ thuật thấp hơn có trách nhiệm liên đới bồi thường phần giá trị được hưởng lợi.

**Mục 3
QUY TẮC ỨNG XỬ, QUY****TẮC****ĐẠO****ĐỨC****NGHỀ****NGHIỆP,****VIỆC** **CHUYỂN****ĐỔI VỊ****TRÍ CÔNG****TÁC CỦA CÁN BỘ,
CễNG****CHỨC,****VIấN****CHỨC**

**Điều 36.** Quy tắc ứng xử của cỏn bộ, cụng chức, viờn chức

1. Quy tắc ứng xử là cỏc chuẩn mực xử sự của cỏn bộ, cụng chức, viờn chức trong thi hành nhiệm vụ, cụng vụ và trong quan hệ xó hội, bao gồm những việc phải làm hoặc khụng được làm, phù hợp với đặc thù công việc của từng nhóm cán bộ, công chức, viên chức và từng lĩnh vực hoạt động công vụ, nhằm bảo đảm sự liêm chính và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức.

2. Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức được công khai để nhân dân giám sát việc chấp hành.

**Điều 37.** Những việc cán bộ, công chức, viên chức không được làm

1. Cán bộ, công chức, viên chức không được làm những việc sau đây:

a) Cửa quyền, hách dịch, gây khó khăn, phiền hà đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhõn trong khi giải quyết cụng việc;

b) Thành lập, tham gia thành lập hoặc tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xó, bệnh viện tư, trường học tư và tổ chức nghiên cứu khoa học tư, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

c) Làm tư vấn cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác ở trong nước và nước ngoài về các công việc có liên quan đến bí mật nhà nước, bí mật công tác, những công việc thuộc thẩm quyền giải quyết của mỡnh hoặc mỡnh tham gia giải quyết;

d) Kinh doanh trong lĩnh vực mà trước đây mỡnh cú trỏch nhiệm quản lý sau khi thụi giữ chức vụ trong một thời hạn nhất định theo quy định của Chính phủ;

đ) Sử dụng trái phép thông tin, tài liệu của cơ quan, tổ chức, đơn vị vỡ vụ lợi.

2. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, vợ hoặc chồng của những người đó không được góp vốn vào doanh nghiệp hoạt động trong phạm vi ngành, nghề mà người đó trực tiếp thực hiện việc quản lý nhà nước.

3. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị không được bố trí vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của mỡnh giữ chức vụ quản lý về tổ chức nhõn sự, kế toỏn - tài vụ, làm thủ quỹ, thủ kho trong cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giao dịch, mua bán vật tư, hàng hoá, ký kết hợp đồng cho cơ quan, tổ chức, đơn vị đó.

4. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan không được để vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con kinh doanh trong phạm vi do mỡnh quản lý trực tiếp.

5. Cán bộ, công chức, viên chức là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khỏc trong doanh nghiệp của Nhà nước không được ký kết hợp đồng với doanh nghiệp thuộc sở hữu của vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột; cho phộp doanh nghiệp thuộc sở hữu của vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột tham dự cỏc gúi thầu của doanh nghiệp mỡnh; bố trớ vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột giữ chức vụ quản lý về tổ chức nhõn sự, kế toỏn - tài vụ, làm thủ quỹ, thủ kho trong doanh nghiệp hoặc giao dịch, mua bán vật tư, hàng hoá, ký kết hợp đồng cho doanh nghiệp.

6. Quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này cũng được áp dụng đối với các đối tượng sau đây:

a) Sĩ quan, quõn nhõn chuyờn nghiệp, cụng nhõn quốc phũng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân;

b) Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn - kỹ thuật trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân.

**Điều 38.** Nghĩa vụ bỏo cỏo và xử lý bỏo cỏo về dấu hiệu tham nhũng

1. Khi phỏt hiện cú dấu hiệu tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi mỡnh làm việc thỡ cỏn bộ, cụng chức, viờn chức phải bỏo cỏo ngay với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị đó; trường hợp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan đến dấu hiệu tham nhũng đó thỡ bỏo cỏo với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp.

2. Chậm nhất là mười ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo về dấu hiệu tham nhũng, người được báo cáo phải xử lý vụ việc theo thẩm quyền hoặc chuyển cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xột xử lý và thụng bỏo cho người báo cáo; đối với vụ việc phức tạp thỡ thời hạn trờn cú thể kộo dài nhưng không quá ba mươi ngày; trường hợp cần thiết thỡ quyết định hoặc đề nghị người có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp nhằm ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi tham nhũng và bảo vệ người báo cáo.

**Điều 39.** Trách nhiệm của người không báo cáo hoặc không xử lý bỏo cỏo về dấu hiệu tham nhũng

Cán bộ, công chức, viên chức biết được hành vi tham nhũng mà không báo cáo, người nhận được bỏo cỏo về dấu hiệu tham nhũng mà khụng xử lý thỡ phải chịu trỏch nhiệm theo quy định của pháp luật.

**Điều 40.** Việc tặng quà và nhận quà tặng của cỏn bộ, cụng chức, viờn chức

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị không được sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước làm quà tặng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Cán bộ, công chức, viên chức không được nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan đến công việc do mỡnh giải quyết hoặc thuộc phạm vi quản lý của mỡnh.

3. Nghiêm cấm lợi dụng việc tặng quà, nhận quà tặng để hối lộ hoặc thực hiện các hành vi khác vỡ vụ lợi.

4. Chính phủ quy định chi tiết việc tặng quà, nhận quà tặng và nộp lại quà tặng của cán bộ, công chức, viên chức.

**Điều 41.** Thẩm quyền ban hành quy tắc ứng xử của cỏn bộ, cụng chức, viờn chức

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ nhiệm Văn phũng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phũng Chủ tịch nước ban hành quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong cơ quan, ngành, lĩnh vực do mỡnh quản lý.

2. Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành quy tắc ứng xử của Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Toà ỏn, Kiểm sỏt viờn và cỏn bộ, cụng chức, viờn chức khỏc trong cơ quan Toà ỏn, Viện kiểm sỏt.

3. Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương; phối hợp với cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xó hội ban hành quy tắc ứng xử của cỏn bộ, cụng chức, viờn chức trong tổ chức này.

**Điều 42.** Quy tắc đạo đức nghề nghiệp

1. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp là chuẩn mực xử sự phù hợp với đặc thù của từng nghề bảo đảm sự liêm chính, trung thực và trách nhiệm trong việc hành nghề.

2. Tổ chức xó hội - nghề nghiệp phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với hội viên của mỡnh theo quy định của pháp luật.

**Điều 43.** Chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị theo thẩm quyền quản lý có trách nhiệm thực hiện việc định kỳ chuyển đổi cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại một số vị trí liên quan đến việc quản lý ngõn sỏch, tài sản của Nhà nước, trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân nhằm chủ động phũng ngừa tham nhũng.

2. Việc chuyển đổi vị trí công tác phải theo kế hoạch và được công khai trong nội bộ cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Việc chuyển đổi vị trí công tác quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này chỉ áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức không giữ chức vụ quản lý. Việc luân chuyển cán bộ, công chức giữ chức vụ quản lý thực hiện theo quy định về luân chuyển cán bộ.

4. Chính phủ ban hành Danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi quy định tại khoản 1 Điều này.

**Mục 4
MINH BẠCH TÀI SẢN, THU****NHẬP**

**Điều 44.** Nghĩa vụ kờ khai tài sản

1. Những người sau đây phải kê khai tài sản:

a) Cán bộ từ Phó trưởng phũng của Uỷ ban nhõn dõn huyện, quận, thị xó, thành phố thuộc tỉnh trở lên và tương đương trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị;

b) Một số cỏn bộ, cụng chức tại xó, phường, thị trấn; người làm công tác quản lý ngõn sỏch, tài sản của Nhà nước hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân;

c) Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

Chính phủ quy định cụ thể những người phải kê khai tài sản quy định tại khoản này.

2. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản phải kê khai tài sản, mọi biến động về tài sản thuộc sở hữu của mỡnh và tài sản thuộc sở hữu của vợ hoặc chồng và con chưa thành niên.

3. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản phải kê khai trung thực và chịu trách nhiệm về việc kê khai.

**Điều 45.** Tài sản phải kờ khai

Cỏc loại tài sản phải kờ khai bao gồm:

1. Nhà, quyền sử dụng đất;

2. Kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá và các loại tài sản khác mà giá trị của mỗi loại từ năm mươi triệu đồng trở lên;

3. Tài sản, tài khoản ở nước ngoài;

4. Thu nhập phải chịu thuế theo quy định của pháp luật.

**Điều 46.** Thủ tục kờ khai tài sản

1. Việc kê khai tài sản được thực hiện hằng năm tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người có nghĩa vụ kê khai làm việc và được hoàn thành chậm nhất vào ngày 31 tháng 12.

2. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản phải ghi rừ những thay đổi về tài sản so với lần kê khai trước đó.

3. Bản kê khai tài sản được nộp cho cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý người có nghĩa vụ kê khai tài sản.

**Điều 47.** Xỏc minh tài sản

1. Việc xác minh tài sản chỉ được thực hiện khi có quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý người có nghĩa vụ kê khai tài sản.

2. Việc xác minh tài sản được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Phục vụ cho việc bầu cử, bổ nhiệm, cỏch chức, miễn nhiệm, bói nhiệm hoặc kỷ luật đối với người có nghĩa vụ kê khai tài sản khi xét thấy cần thiết;

b) Theo yêu cầu của Hội đồng bầu cử hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

c) Cú hành vi tham nhũng.

**Điều 48.** Thủ tục xỏc minh tài sản

1. Trước khi ra quyết định xác minh tài sản, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền yêu cầu người có nghĩa vụ kê khai giải trỡnh rừ việc kờ khai. Việc giải trỡnh phải được thực hiện trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu giải trỡnh.

2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ra quyết định xác minh trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày phát sinh căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 47 của Luật này.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân hữu quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ cho việc xác minh khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

4. Trong thời hạn hai mươi ngày kể từ ngày ra quyết định xác minh, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người có nghĩa vụ kê khai tài sản tiến hành thẩm tra, xác minh và phải ra kết luận về sự minh bạch trong kê khai tài sản.

5. Thủ tục xác minh tài sản của người có tên trong danh sách ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này. Thời hạn xác minh phải đáp ứng yêu cầu về thời gian bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

**Điều 49.** Kết luận về sự minh bạch trong kờ khai tài sản

1. Kết luận về sự minh bạch trong kờ khai tài sản là kết luận về tớnh trung thực của việc kờ khai tài sản.

2. Kết luận về sự minh bạch trong kê khai tài sản phải được gửi cho cơ quan, tổ chức yêu cầu xác minh và người có tài sản được xác minh.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 4 Điều 48 của Luật này phải chịu trách nhiệm về tính khách quan, chính xác và nội dung kết luận của mỡnh.

**Điều 50.** Cụng khai kết luận về sự minh bạch trong kờ khai tài sản

1. Khi có yêu cầu và theo quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, bản kết luận về sự minh bạch trong kê khai tài sản được công khai tại các địa điểm sau đây:

a) Trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người có nghĩa vụ kê khai tài sản làm việc khi người đó được bổ nhiệm, bầu, phê chuẩn;

b) Tại hội nghị cử tri nơi công tác, nơi cư trú đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân;

c) Tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người được đề nghị để Quốc hội, Hội đồng nhân dân hoặc Đại hội của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xó hội bầu, phờ chuẩn.

2. Kết luận về sự minh bạch trong kê khai tài sản của người bị khởi tố về hành vi tham nhũng phải được công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó làm việc.

**Điều 51.** Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người có nghĩa vụ kê khai tài sản

Cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm quản lý và lưu giữ bản kê khai tài sản của người có nghĩa vụ kê khai do mỡnh quản lý; tổ chức việc xỏc minh theo quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; kết luận về sự minh bạch trong kê khai tài sản và công khai kết luận đó theo quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong các trường hợp quy định tại Điều 50 của Luật này.

**Điều 52.** Xử lý người kê khai tài sản không trung thực

1. Người kê khai tài sản không trung thực bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật. Quyết định kỷ luật đối với người kê khai tài sản không trung thực phải được công khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó làm việc.

2. Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân mà kê khai tài sản không trung thực thỡ bị xoỏ tờn khỏi danh sỏch những người ứng cử; người được dự kiến bổ nhiệm, phê chuẩn mà kê khai tài sản không trung thực thỡ khụng được bổ nhiệm, phê chuẩn vào chức vụ đó dự kiến.

**Điều 53.** Kiểm soỏt thu nhập

Chớnh phủ trỡnh Quốc hội ban hành văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn.

**Mục 5
CHẾ ĐỘ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN,
TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ****XẢY RA THAM****NHŨNG**

**Điều 54.** Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mỡnh quản lý, phụ trỏch

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải chịu trách nhiệm về việc để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mỡnh quản lý, phụ trỏch.

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải chịu trách nhiệm trực tiếp về việc để xảy ra hành vi tham nhũng của người do mỡnh trực tiếp quản lý, giao nhiệm vụ.

2. Cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải chịu trách nhiệm trực tiếp về việc để xảy ra hành vi tham nhũng trong lĩnh vực công tác và trong đơn vị do mỡnh trực tiếp phụ trỏch.

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải chịu trách nhiệm liên đới về việc để xảy ra hành vi tham nhũng trong lĩnh vực công tác và trong đơn vị do cấp phó của mỡnh trực tiếp phụ trỏch.

3. Người đứng đầu đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức phải chịu trách nhiệm trực tiếp về việc để xảy ra hành vi tham nhũng trong đơn vị do mỡnh quản lý.

4. Việc xử lý trỏch nhiệm người đứng đầu và cá nhân khác có trách nhiệm trong tổ chức chính trị, tổ chức chớnh trị - xó hội, tổ chức xó hội - nghề nghiệp và cỏc tổ chức khỏc cú sử dụng ngõn sỏch nhà nước về việc để xảy ra hành vi tham nhũng được thực hiện theo quy định của Luật này và điều lệ, quy chế của tổ chức đó.

5. Trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này được loại trừ trong trường hợp họ không thể biết được hoặc đó ỏp dụng cỏc biện phỏp cần thiết để phũng ngừa, ngăn chặn hành vi tham nhũng.

**Điều 55.** Xử lý trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mỡnh quản lý, phụ trỏch

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi phải chịu trách nhiệm trực tiếp về việc để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mỡnh quản lý, phụ trỏch thỡ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trỏch nhiệm hỡnh sự.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi phải chịu trách nhiệm liên đới về việc để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mỡnh quản lý, phụ trỏch thỡ bị xử lý kỷ luật.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được xem xét miễn hoặc giảm trách nhiệm pháp lý quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này nếu đó thực hiện cỏc biện phỏp cần thiết nhằm ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi tham nhũng; xử lý nghiờm minh, bỏo cỏo kịp thời với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về hành vi tham nhũng.

4. Trong kết luận thanh tra, kết luận kiểm toán, kết luận điều tra vụ việc, vụ án tham nhũng phải nêu rừ trỏch nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra hành vi tham nhũng theo các mức độ sau đây:

a) Yếu kém về năng lực quản lý;

b) Thiếu trỏch nhiệm trong quản lý;

c) Bao che cho người có hành vi tham nhũng.

Kết luận phải được gửi cho Ban chỉ đạo trung ương về phũng, chống tham nhũng, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

**Mục 6
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUẢN Lí
VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

**Điều 56.** Cải cỏch hành chớnh nhằm phũng ngừa tham nhũng

Nhà nước thực hiện cải cách hành chính nhằm tăng cường tính độc lập và tự chịu trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị; đẩy mạnh việc phân cấp quản lý nhà nước giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền địa phương; phân định rừ nhiệm vụ, quyền hạn giữa cỏc cơ quan nhà nước; công khai, đơn giản hoá và hoàn thiện thủ tục hành chính; quy định cụ thể trách nhiệm của từng chức danh trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

**Điều 57.** Tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thường xuyên cải tiến công tác, tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong hoạt động của mỡnh, tạo thuận lợi để công dân, cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của mỡnh.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm hướng dẫn trỡnh tự, thủ tục giải quyết cụng việc để cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân chủ động thực hiện mà không phải trực tiếp tiếp xúc với cán bộ, công chức, viên chức.

**Điều 58.** Đổi mới phương thức thanh toán

1. Nhà nước áp dụng các biện pháp quản lý để thực hiện việc thanh toán thông qua tài khoản tại ngõn hàng, Kho bạc nhà nước. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm thực hiện các quy định về thanh toán bằng chuyển khoản.

2. Chính phủ áp dụng các giải pháp tài chính, công nghệ tiến tới thực hiện mọi khoản chi đối với người có chức vụ, quyền hạn quy định tại các điểm a, b và c khoản 3 Điều 1 của Luật này và các giao dịch khác sử dụng ngân sách nhà nước phải thông qua tài khoản.

**Chương III** **PHÁT****HIỆN THAM****NHŨNG**

**Mục 1
CÔNG TÁC KIỂM TRA CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ**

**Điều 59.** Công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước

1. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm thường xuyên tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của mỡnh nhằm kịp thời phỏt hiện hành vi tham nhũng.

2. Khi phỏt hiện cú hành vi tham nhũng, thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước phải kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc thụng bỏo cho cơ quan thanh tra, điều tra, Viện kiểm sát có thẩm quyền.

**Điều 60.** Công tác tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm chủ động tổ chức kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên, trực tiếp giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân và cán bộ, công chức, viên chức khác do mỡnh quản lý nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi tham nhũng.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm thường xuyên đôn đốc người đứng đầu đơn vị trực thuộc kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức do mỡnh quản lý.

3. Khi phát hiện hành vi tham nhũng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc thụng bỏo cho cơ quan thanh tra, điều tra, Viện kiểm sát có thẩm quyền.

**Điều 61.** Hỡnh thức kiểm tra

1. Việc kiểm tra thường xuyên được tiến hành theo chương trỡnh, kế hoạch, tập trung vào lĩnh vực, hoạt động thường phát sinh hành vi tham nhũng.

2. Việc kiểm tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện có dấu hiệu tham nhũng.

**Mục 2
PHÁT HIỆN THAM NHŨNG THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG THANH TRA, KIỂM TOÁN, ĐIỀU TRA, KIỂM SÁT, XẫT XỬ, GIÁM SÁT**

**Điều 62.** Phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán, điều tra, kiểm sát, xét xử

Cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước, điều tra, Viện kiểm sát, Toà án thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán, điều tra, kiểm sát, xét xử có trách nhiệm chủ động phát hiện hành vi tham nhũng, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị việc xử lý theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mỡnh.

**Điều 63.** Phỏt hiện tham nhũng thụng qua hoạt động giám sát

Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân thông qua hoạt động giám sát có trách nhiệm phát hiện hành vi tham nhũng, yêu cầu hoặc kiến nghị việc xử lý theo quy định của pháp luật.

**Mục 3
TỐ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT TỐ CÁO VỀ HÀNH VI THAM NHŨNG**

**Điều 64.** Tố cáo hành vi tham nhũng và trách nhiệm của người tố cáo

1. Công dân có quyền tố cáo hành vi tham nhũng với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

2. Người tố cáo phải tố cỏo trung thực, nờu rừ họ, tờn, địa chỉ, cung cấp thông tin, tài liệu mà mỡnh cú và hợp tỏc với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo.

3. Người tố cáo mà cố tỡnh tố cỏo sai sự thật phải bị xử lý nghiờm minh, nếu gõy thiệt hại cho người bị tố cáo thỡ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

**Điều 65.** Trỏch nhiệm tiếp nhận và giải quyết tố cỏo

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để công dân tố cáo trực tiếp, gửi đơn tố cáo, tố cáo qua điện thoại, tố cáo qua mạng thông tin điện tử và các hỡnh thức khỏc theo quy định của pháp luật.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khi nhận được tố cáo hành vi tham nhũng phải xem xét và xử lý theo thẩm quyền; giữ bớ mật họ, tờn, địa chỉ, bút tích và các thông tin khác theo yêu cầu của người tố cáo; áp dụng kịp thời các biện pháp cần thiết để bảo vệ người tố cáo khi có biểu hiện đe doạ, trả thù, trù dập người tố cáo hoặc khi người tố cáo yêu cầu; thông báo kết quả giải quyết tố cáo cho người tố cỏo khi cú yờu cầu.

3. Cơ quan thanh tra có trách nhiệm giúp thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp xác minh, kết luận về nội dung tố cáo và kiến nghị biện pháp xử lý; trong trường hợp phát hiện có dấu hiệu tội phạm thỡ chuyển cho cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật về tố tụng hỡnh sự.

Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhận được tố cáo về hành vi tham nhũng phải xử lý theo thẩm quyền.

4. Thời hạn giải quyết tố cáo, thời hạn trả lời người tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Điều 66.** Trách nhiệm phối hợp của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mỡnh, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân phải tạo điều kiện, cộng tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo để phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời hành vi tham nhũng, hạn chế thiệt hại do hành vi tham nhũng gõy ra.

**Điều 67.** Khen thưởng người tố cáo

Người tố cáo trung thực, tích cực cộng tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi tham nhũng thỡ được khen thưởng về vật chất, tinh thần theo quy định của pháp luật.

**Chương IV
XỬ Lí****HÀNH VI THAM****NHŨNG VÀ****CÁC****HÀNH VI
VI****PHẠM PHÁP LUẬT****KHÁC**

**Mục 1
XỬ Lí KỶ LUẬT, XỬ Lí HèNH SỰ**

**Điều 68.** Đối tượng bị xử lý kỷ luật, xử lý hỡnh sự

1. Người có hành vi tham nhũng quy định tại Điều 3 của Luật này.

2. Người không báo cáo, tố giác khi biết được hành vi tham nhũng.

3. Người không xử lý bỏo cỏo, tố giỏc, tố cỏo về hành vi tham nhũng.

4. Người có hành vi đe doạ, trả thù, trù dập người phát hiện, báo cáo, tố giác, tố cáo, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng.

5. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mỡnh quản lý, phụ trỏch.

6. Người thực hiện hành vi khác vi phạm quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Điều 69.** Xử lý đối với người có hành vi tham nhũng

Người có hành vi tham nhũng thỡ tuỳ theo tớnh chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, truy cứu trỏch nhiệm hỡnh sự; trong trường hợp bị kết án về hành vi tham nhũng và bản án, quyết định đó cú hiệu lực phỏp luật thỡ phải bị buộc thụi việc; đối với đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân thỡ đương nhiên mất quyền đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

**Mục 2
XỬ Lí TÀI SẢN THAM NHŨNG**

**Điều 70.** Nguyờn tắc xử lý tài sản tham nhũng

1. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phải áp dụng các biện pháp cần thiết để thu hồi, tịch thu tài sản tham nhũng.

2. Tài sản tham nhũng phải được trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc sung quỹ nhà nước.

3. Người đưa hối lộ mà chủ động khai báo trước khi bị phát hiện hành vi đưa hối lộ thỡ được trả lại tài sản đó dựng để hối lộ.

4. Việc tịch thu tài sản tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng được thực hiện bằng quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

**Điều 71.** Thu hồi tài sản tham nhũng có yếu tố nước ngoài

Trên cơ sở điều ước quốc tế mà Cộng hoà xó hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viờn và phự hợp với cỏc nguyờn tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, Chính phủ Việt Nam hợp tác với Chính phủ nước ngoài trong việc thu hồi tài sản của Việt Nam hoặc của nước ngoài bị tham nhũng và trả lại tài sản đó cho chủ sở hữu hợp pháp.

**Chương V
TỔ****CHỨC,****TRÁCH****NHIỆM VÀ****HOẠT****ĐỘNG****PHỐI****HỢP****CỦA****CÁC
CƠ QUAN THANH TRA,****KIỂM****TOÁN****NHÀ****NƯỚC,****ĐIỀU TRA,** **VIỆN****KIỂM****SÁT,****TOÀ****ÁN VÀ****CỦA CƠ QUAN, TỔ****CHỨC, ĐƠN VỊ** **HỮU QUAN TRONG****PHềNG,****CHỐNG THAM****NHŨNG**

**Mục 1
TỔ CHỨC, CHỈ ĐẠO,****PHỐI****HỢP VÀ****TRÁCH****NHIỆM
TRONG CễNG TÁC PHềNG, CHỐNG THAM NHŨNG**

**Điều 72.** Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác phũng, chống tham nhũng

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm áp dụng quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan để tổ chức phũng, chống tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mỡnh quản lý.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm trước cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp về việc phũng, chống tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mỡnh quản lý.

**Điều 73.** Ban chỉ đạo phũng, chống tham nhũng

1. Ban chỉ đạo trung ương về phũng, chống tham nhũng do Thủ tướng Chính phủ đứng đầu có trách nhiệm chỉ đạo, phối hợp, kiểm tra, đôn đốc hoạt động phũng, chống tham nhũng trong phạm vi cả nước. Giúp việc cho Ban chỉ đạo trung ương về phũng, chống tham nhũng có bộ phận thường trực hoạt động chuyên trách.

2. Tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo trung ương về phũng, chống tham nhũng do Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 74.** Giỏm sỏt cụng tỏc phũng, chống tham nhũng

1. Quốc hội, Uỷ ban thường vụ Quốc hội giám sát công tác phũng, chống tham nhũng trong phạm vi cả nước.

2. Hội đồng dân tộc và các Uỷ ban của Quốc hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mỡnh giỏm sỏt cụng tỏc phũng ngừa tham nhũng thuộc lĩnh vực do mỡnh phụ trỏch.

Uỷ ban phỏp luật của Quốc hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mỡnh giỏm sỏt việc phỏt hiện và xử lý hành vi tham nhũng.

3. Hội đồng nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mỡnh cú trỏch nhiệm giỏm sỏt cụng tỏc phũng, chống tham nhũng tại địa phương.

4. Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mỡnh giỏm sỏt việc thực hiện cỏc quy định của pháp luật về phũng, chống tham nhũng.

**Điều 75.** Đơn vị chuyên trách về chống tham nhũng

1. Trong Thanh tra Chính phủ, Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có đơn vị chuyên trách về chống tham nhũng.

2. Tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị chuyên trách về chống tham nhũng quy định tại khoản 1 Điều này do Uỷ ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ quy định.

**Điều 76.** Trỏch nhiệm của Thanh tra Chớnh phủ

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mỡnh, Thanh tra Chớnh phủ cú trỏch nhiệm sau đây:

1. Tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn công tác thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phũng, chống tham nhũng; trường hợp phát hiện hành vi tham nhũng thỡ đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý;

2. Xõy dựng hệ thống dữ liệu chung về phũng, chống tham nhũng.

**Điều 77.** Trỏch nhiệm của Kiểm toán nhà nước

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mỡnh, Kiểm toỏn nhà nước có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc kiểm toán nhằm phũng ngừa, phỏt hiện tham nhũng; trường hợp phát hiện hành vi tham nhũng thỡ đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý.

**Điều 78.** Trỏch nhiệm của Bộ Cụng an, Bộ Quốc phũng

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mỡnh, Bộ Cụng an, Bộ Quốc phũng cú trỏch nhiệm tổ chức, chỉ đạo thực hiện hoạt động điều tra tội phạm về tham nhũng.

**Điều 79.** Trỏch nhiệm của Viện kiểm sỏt nhõn dõn tối cao, Toà ỏn nhõn dõn tối cao

1. Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo thực hiện hoạt động truy tố các tội phạm về tham nhũng; kiểm sát hoạt động điều tra, xét xử, thi hành án đối với các tội phạm về tham nhũng.

2. Toà ỏn nhõn dân tối cao có trách nhiệm xét xử, hướng dẫn công tác xét xử các tội phạm về tham nhũng.

**Điều 80.** Phối hợp hoạt động giữa các cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước, điều tra, Viện kiểm sát, Toà án

Cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước, điều tra, Viện kiểm sỏt, Toà ỏn cú trỏch nhiệm phối hợp trong phũng, chống tham nhũng theo cỏc nội dung sau đây:

1. Trao đổi thường xuyên thông tin, tài liệu, kinh nghiệm về công tác phũng, chống tham nhũng;

2. Chuyển hồ sơ vụ việc tham nhũng cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý;

3. Tổng hợp, đánh giá, dự báo tỡnh hỡnh tham nhũng và kiến nghị chớnh sỏch, giải phỏp phũng, chống tham nhũng.

**Điều 81.** Phối hợp công tác giữa cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước với cơ quan điều tra

1. Trong trường hợp cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước chuyển hồ sơ vụ việc tham nhũng cho cơ quan điều tra thỡ cơ quan điều tra phải tiếp nhận và giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng hỡnh sự.

2. Trong trường hợp không đồng ý với việc giải quyết của cơ quan điều tra thỡ cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước có quyền thông báo với Viện kiểm sát cùng cấp, cơ quan điều tra cấp trên.

**Điều 82.** Phối hợp công tác giữa cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước với Viện kiểm sát

1. Trong trường hợp chuyển hồ sơ vụ việc tham nhũng cho cơ quan điều tra thỡ cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước có trách nhiệm thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp để thực hiện việc kiểm sát.

2. Trong trường hợp cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước chuyển hồ sơ vụ việc tham nhũng cho Viện kiểm sát thỡ Viện kiểm sát phải xem xét, giải quyết và thông báo kết quả giải quyết bằng văn bản cho cơ quan đó chuyển hồ sơ.

**Mục 2
KIỂM TRA HOẠT ĐỘNG CHỐNG THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN THANH TRA, KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC, ĐIỀU TRA,
VIỆN KIỂM SÁT, TOÀ ÁN**

**Điều 83.** Kiểm tra hoạt động chống tham nhũng đối với cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước, điều tra, Viện kiểm sát, Toà án

1. Cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước, điều tra, Viện kiểm sát, Toà án phải có biện pháp để kiểm tra nhằm ngăn chặn hành vi lạm quyền, lộng quyền, nhũng nhiễu của cỏn bộ, cụng chức, viờn chức của mỡnh trong hoạt động chống tham nhũng.

2. Người đứng đầu cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước, điều tra, Viện kiểm sát, Toà án phải tăng cường quản lý cỏn bộ, cụng chức, viờn chức; chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ nhằm ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động chống tham nhũng.

3. Cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước, điều tra, Viện kiểm sát, Toà án có hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động chống tham nhũng thỡ tuỳ theo tớnh chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, truy cứu trỏch nhiệm hỡnh sự; nếu gõy thiệt hại thỡ phải bồi thường, bồi hoàn theo quy định của pháp luật.

**Điều 84.** Giải quyết tố cáo đối với cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước, điều tra, Viện kiểm sát, Toà án

Trường hợp có tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động chống tham nhũng đối với Thanh tra viên, Kiểm toán viên, Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Toà ỏn và cỏn bộ, cụng chức, viờn chức khỏc của cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước, điều tra, Viện kiểm sát, Toà án thỡ người đứng đầu cơ quan phải giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết.

Kết quả giải quyết tố cáo phải được công khai.

**Chương VI
VAI****TRề VÀ****TRÁCH****NHIỆM****CỦA XÃ****HỘI TRONG** **PHềNG,****CHỐNG THAM****NHŨNG**

**Điều 85.** Vai trũ và trỏch nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cỏc tổ chức thành viờn

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cỏc tổ chức thành viờn có trách nhiệm sau đây:

a) Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên truyền, giáo dục nhân dân và các thành viên tổ chức mỡnh thực hiện cỏc quy định của pháp luật về phũng, chống tham nhũng; kiến nghị cỏc biện phỏp nhằm phỏt hiện và phũng ngừa tham nhũng;

b) Động viên nhân dân tham gia tích cực vào việc phát hiện, tố cáo hành vi tham nhũng;

c) Cung cấp thông tin và phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc phát hiện, xác minh, xử lý vụ việc tham nhũng;

d) Giỏm sỏt việc thực hiện phỏp luật về phũng, chống tham nhũng.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng biện pháp phũng ngừa tham nhũng, xỏc minh vụ việc tham nhũng, xử lý người có hành vi tham nhũng; cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải xem xét, trả lời trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu; trường hợp vụ việc phức tạp thỡ thời hạn trờn cú thể kộo dài nhưng không quá ba mươi ngày.

**Điều 86.** Vai trũ và trỏch nhiệm của bỏo chớ

1. Nhà nước khuyến khích cơ quan báo chí, phóng viên đưa tin phản ánh về vụ việc tham nhũng và hoạt động phũng, chống tham nhũng.

2. Cơ quan báo chí có trách nhiệm biểu dương tinh thần và những việc làm tích cực trong công tác phũng, chống tham nhũng; lên án, đấu tranh đối với những người có hành vi tham nhũng; tham gia tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phũng, chống tham nhũng.

3. Cơ quan báo chí, phóng viên có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hành vi tham nhũng. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu đó theo quy định của pháp luật; trường hợp không cung cấp thỡ phải trả lời bằng văn bản và nêu rừ lý do.

4. Cơ quan báo chí, phóng viên phải đưa tin trung thực, khách quan. Tổng biên tập, phóng viên chịu trách nhiệm về việc đưa tin và chấp hành pháp luật về báo chí, quy tắc đạo đức nghề nghiệp.

**Điều 87.** Vai trũ và trỏch nhiệm của doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề

1. Doanh nghiệp cú trỏch nhiệm thụng báo về hành vi tham nhũng và phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc xác minh, kết luận về hành vi tham nhũng.

2. Hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề có trách nhiệm tổ chức, động viên, khuyến khích hội viên của mỡnh xõy dựng văn hoá kinh doanh lành mạnh, phi tham nhũng.

3. Hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề và hội viên có trách nhiệm kiến nghị với Nhà nước hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý nhằm phũng, chống tham nhũng.

4. Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp cạnh tranh lành mạnh, có cơ chế kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn hành vi tham ô, đưa hối lộ.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có trách nhiệm phối hợp với Phũng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề và các tổ chức khác tổ chức diễn đàn để trao đổi, cung cấp thông tin, phục vụ công tác phũng, chống tham nhũng.

**Điều 88.** Trỏch nhiệm cụng dõn, Ban thanh tra nhõn dõn

1. Cụng dõn tự mỡnh, thụng qua Ban thanh tra nhõn dõn hoặc thụng qua tổ chức mà mỡnh là thành viờn tham gia phũng, chống tham nhũng.

2. Ban thanh tra nhõn dõn tại xó, phường, thị trấn, trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp của Nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mỡnh giỏm sỏt việc thực hiện cỏc quy định của pháp luật về phũng, chống tham nhũng.

**Chương VII** **HỢP****TÁC****QUỐC TẾ VỀ****PHềNG,****CHỐNG THAM****NHŨNG**

**Điều 89.** Nguyờn tắc chung về hợp tỏc quốc tế

Nhà nước cam kết thực hiện điều ước quốc tế về phũng, chống tham nhũng mà Cộng hoà xó hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viờn; hợp tỏc với các nước, tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài trong hoạt động phũng, chống tham nhũng trờn nguyờn tắc tụn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lónh thổ và cỏc bờn cựng cú lợi.

**Điều 90.** Trỏch nhiệm thực hiện hợp tỏc quốc tế

1. Thanh tra Chớnh phủ phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Công an và các cơ quan hữu quan thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu, đào tạo, xây dựng chính sách, trao đổi thông tin, hỗ trợ tài chính, trợ giúp kỹ thuật, trao đổi kinh nghiệm trong phũng, chống tham nhũng.

2. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Công an trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mỡnh thực hiện nhiệm vụ hợp tỏc quốc tế về tương trợ tư pháp trong phũng, chống tham nhũng.

**Chương VIII** **ĐIỀU****KHOẢN THI****HÀNH**

**Điều 91.** Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2006.

2. Pháp lệnh chống tham nhũng ngày 26 tháng 02 năm 1998 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh chống tham nhũng ngày 28 tháng 4 năm 2000 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

**Điều 92.** Hướng dẫn thi hành

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này.

*Luật này đó được Quốc hội nước Cộng hoà xó hội chủ nghĩa Việt Nam khoỏ XI, kỳ họp thứ 8 thụng qua ngày 29 thỏng 11 năm 2005.*

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Nguyễn Văn An